

THỰC TRẠNG KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NCS. Nguyễn Xuân Phúc¹

Tóm tắt: Nghiên cứu đánh giá thực trạng kết quả học tập và thể lực của sinh viên Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Kết quả học tập của sinh viên ở mức trung bình trở lên, không có sinh viên đạt yếu kém; trong khi đó thể lực của sinh viên phát triển không đều, một số tố chất thể lực còn yếu, nhất là sức mạnh, sức bền và thể lực chung.

Từ khóa: Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh; giáo dục thể chất, kết quả học tập, thể lực.

Summary: This study assesses the learning outcomes and physical fitness of students at the University of Industry in Ho Chi Minh City after completing the Physical Education program. The results show that: Students' academic performance is at an average level or above, with no students failing; however, the physical fitness of students develops unevenly, some physical qualities are still weak, especially strength, endurance, and overall fitness.

Keywords: University of Industry in Ho Chi Minh City; physical education; learning outcomes; physical fitness.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHCT TPHCM) hiện nay gồm 150 tiết (5 tín chỉ) chia làm ba học phần, GDTC1 (60 tiết), GDTC2 (60 tiết), GDTC3 (30 tiết). Sinh viên (SV) học tập, rèn luyện, hoàn thành chương trình môn học và xếp loại kết quả học tập Đạt mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Trong thời gian qua chưa có công trình nào nghiên cứu liên quan đến môn học GDTC, mặc dù ở một số trường đã nghiên cứu như: “Nghiên cứu đổi mới chương trình môn học GDTC tự chọn (các môn bóng) cho SV Trường Đại Học Thăng Long” (2021) của tác giả Hoàng Đình Hâm; “Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho SV Trường Đại học Sài Gòn” (2022) của Phạm Thanh Vũ, “Nghiên cứu xây dựng chương trình một số môn tự chọn cho SV khối các trường thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh” (2022) của Nguyễn Văn Thái... Hơn nữa chương trình môn học GDTC ở các trường Đại học khác nhau nên hiệu quả môn học cũng khác nhau. Vì vậy chúng tôi đã chọn đề tài: “**Thực trạng kết quả học tập và thể lực của SV Trường ĐHCT TPHCM**” để nghiên cứu.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, tọa đàm, kiểm tra sự phạm và toán thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Đánh giá thực trạng kết quả học tập của SV

Kết quả học tập từng học phần được đánh giá sau mỗi học kỳ theo thang điểm 10, kết quả từ 5 điểm trở lên đạt yêu cầu, nếu dưới 5 điểm ở học phần nào thì SV phải đăng ký học lại học phần đó. Điểm kết quả học tập chung môn học GDTC là điểm trung bình các học phần, là căn cứ để cấp chứng chỉ GDTC và được tính theo công thức:

$$\text{Điểm chung GDTC} = \frac{(\text{GDTC1} \times 2) + (\text{GDTC2} \times 2) + (\text{GDTC3} \times 1)}{5}$$

* Kết quả học tập môn học GDTC theo điểm

Kết quả học tập môn học GDTC theo điểm của SV được thể hiện qua bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Kết quả học tập có thể đại diện cho tổng thể SV ($\epsilon < 0.05$) nhưng phân bố là phân tán ($C_v > 10\%$).

So sánh kết quả học tập giữa nam và nữ ở từng học phần cũng như kết quả học tập chung thì sự khác biệt chỉ là ngẫu nhiên, không có ý nghĩa thống kê ($t_{\text{tính}} < t_{05} = 1.96$) với $P > 0.05$, do đó kết quả học tập của SV Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh không có sự khác biệt đáng kể.

* Phân loại kết quả học tập môn học GDTC

Phân loại kết quả học tập theo các mức: Giỏi (8,5 - 10); Khá (7,0 - 8,4) Trung bình (5,0 - 6,9); Yếu kém (dưới 5,0).

1: Trường Đại Học Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Phân loại kết quả học tập của SV được thể hiện qua bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Phân loại kết quả học tập SV ở từng học phần cũng như kết quả học tập chung SV đều đạt yêu cầu trở lên, trong đó Giỏi 2%, Khá

nhau. Tuy nhiên đa phần SV đều có kết quả học tập thuộc loại Trung bình ($X^2=15.36$ với $P<0.05$).

2.2. Đánh giá thực trạng thể lực của SV

Nghiên cứu tiến hành đánh giá thể lực SV Trường ĐHTC TPHCM theo Quyết định 53/2008 của Bộ

Bảng 1: Kết quả học tập của SV (nam 200 SV, nữ 200 SV)

TT	Học phần	Giới tính	\bar{X}	S	C_v	ϵ	t	P
1	GDTC1	Nam	6.50	1.05	16.19	0.03	1.22	>0.05
		Nữ	6.63	1.01	15.22	0.03		
2	GDTC2	Nam	6.86	1.10	16.34	0.03	0.10	>0.05
		Nữ	6.87	1.04	15.09	0.03		
3	GDTC3	Nam	6.61	1.08	16.34	0.03	1.02	>0.05
		Nữ	6.72	1.13	16.83	0.03		
4	Kết quả chung	Nam	6.67	0.73	11.01	0.02	1.08	>0.05
		Nữ	6.74	0.71	10.46	0.02		

Bảng 2. Phân loại kết quả học tập của SV (nam 200 SV, nữ 200 SV)

TT	Loại Học phần		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		X^2	P
			n	%	n	%	n	%	n	%		
1	GDTC1	Nam	8	4	65	32.5	127	63.5	0	0	0.509	>0.05
		Nữ	11	5.5	63	31.5	126	63	0	0		
2	GDTC2	Nam	14	7	84	42	102	51	0	0	0.169	>0.05
		Nữ	13	6.5	81	40.5	106	53	0	0		
3	GDTC3	Nam	11	5.5	65	32.5	124	62	0	0	0.395	>0.05
		Nữ	14	7	63	31.5	123	61.5	0	0		
4	Kết quả chung	Nam	5	2.5	58	29	137	68.5	0	0	1.758	>0.05
		Nữ	3	1.5	69	34.5	128	64	0	0		
		Σ	8	2	127	32	265	66	0	0	15.36	<0.05

32 % và Trung bình 66%.

So sánh phân loại kết quả học tập giữa nam và nữ thông qua chỉ số X^2 ở từng học phần cũng như kết quả chung cho thấy $X^2 < X^2_{0.05} = 3.841$, ($P > 0.05$), chứng tỏ phân loại kết quả học tập giữa nam và nữ không có sự khác biệt đáng kể, điều đó cho thấy xếp loại kết quả học tập giữa nam và nữ tương đương

GD&ĐT bao gồm: lực bóp tay thuận (kg), nằm ngửa gập bụng 30 giây (số lần), bật xa tại chỗ (cm), chạy 30m xuất phát cao (s), chạy con thoi 4 x10m (s), chạy tùy sức 5 phút (m).

* *Kết quả thể lực ở từng chỉ tiêu của SV*

Kết quả thể lực ở từng chỉ tiêu của SV được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Kết quả thể lực của SV (nam 200 SV, nữ 200 SV)

TT	Test	Giới tính	\bar{X}	S	C_v	ϵ
1	Lực bóp tay thuận (kg)	Nam	44.73	3.50	7.83	0.02
		Nữ	28.47	2.50	8.78	0.02
2	Nằm ngửa gập bụng 30s/lần	Nam	20.08	2.98	14.85	0.03
		Nữ	17.29	2.62	15.15	0.03
3	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	223.21	14.83	6.64	0.01
		Nữ	164.50	21.25	12.92	0.03
4	Chạy 30m XPC (s)	Nam	5.02	0.42	8.28	0.02
		Nữ	6.20	0.40	6.39	0.02
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	Nam	11.69	0.78	6.70	0.02
		Nữ	12.32	0.51	4.16	0.01
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	989.65	90.29	9.12	0.02
		Nữ	871.52	66.35	7.61	0.02

Bảng 4. Phân loại thể lực của SV (Nam = 200SV, Nữ = 200SV)

TT	Test	Giới tính	Tốt		Đạt		Không đạt		X^2	P
			n	%	n	%	n	%		
1	Lực bóp tay thuận (kg)	Nam	22	11	139	69.5	39	19.5	8.994	<0.05
		Nữ	21	10.5	114	57	65	32.5		
2	Nằm ngửa gập bụng 30s/lần	Nam	27	13.5	132	66	41	20.5	10.158	<0.05
		Nữ	19	9.5	112	56	69	34.5		
3	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam	93	46.5	74	37	33	16.5	11.573	<0.05
		Nữ	67	33.5	74	37	59	29.5		
4	Chạy 30m XPC (s)	Nam	31	15.5	146	73	23	11.5	8.460	<0.05
		Nữ	15	7.5	149	74.5	36	18		
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	Nam	96	48	69	34.5	35	17.5	49.429	<0.05
		Nữ	42	21	139	69.5	19	9.5		
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam	41	20.5	83	41.5	76	38	12.736	<0.05
		Nữ	17	8.5	85	42.5	98	49		
7	Thể lực chung	Nam	27	13.5	71	35.5	102	51	7.566	<0.05
		Nữ	11	5.5	81	40.5	108	54		
		Σ	38	9.5	152	38	210	52.5	6.459	<0.05

Qua bảng 3 cho thấy: Các chỉ số về cơ bản có độ đồng nhất cao giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v < 10\%$) ở các chỉ tiêu lực bóp tay thuận, chạy 30m xuất phát cao, chạy con thoi 4x10m, chạy 5 phút tùy sức và bật xa tại chỗ của nam. Các chỉ số ít có độ đồng nhất giữa các cá thể nghiên cứu ($C_v > 10\%$) ở chỉ tiêu nằm ngửa gập bụng cả nam, nữ và bật xa tại chỗ của nữ. Mặc dù độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu ở một vài chỉ số khá lớn như trên nhưng tất cả các giá trị trung bình mẫu đều đủ đại diện cho số trung bình tổng thể ($\epsilon < 0.05$), do đó số liệu nghiên cứu này làm cơ sở để kết luận rằng số trung bình mẫu đủ tính đại diện và có thể dùng để ước lượng số trung bình của tổng thể.

* Phân loại thể lực SV

Chúng tôi tiến hành đánh giá thể lực chung thông qua 4/6 chỉ tiêu bao gồm: nằm ngửa gập bụng 30 giây (số lần), bật xa tại chỗ (cm), chạy con thoi 4x10m (s), chạy tùy sức 5 phút (m). Phân loại thể lực chung theo ba mức: Tốt (3 chỉ tiêu tốt + 1 chỉ tiêu đạt trở lên); Đạt (tối thiểu 4 chỉ tiêu đều đạt); Không đạt (có một chỉ tiêu không đạt). Kết quả phân loại thể lực của SV được thể hiện qua bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy về thể lực của SV loại Tốt từ 11% - 48%, Đạt 35.5% - 73%, Không đạt 11% - 38%; trong khi đó với nữ tương ứng lần lượt là 7.5 - 33.5%; 37% - 74.5%; 9.5% - 54%. So sánh phân loại giữa nam và nữ thông qua chỉ số X^2 cho thấy $X^2 > X^2_{0.05} = 3.841$, chứng tỏ phân loại giữa nam và nữ có sự khác biệt đáng kể mà ưu thế thuộc về nam SV ($P < 0.05$).

Phân loại thể lực chung: Với nam SV có 13.5% loại Tốt, 35.5% Đạt và 51% Không đạt, trong khi đó với nữ tương ứng lần lượt là 5.5%, 40.5% và 54%. So sánh phân loại thông qua chỉ số X^2 cho thấy $X^2 > X^2_{0.05} = 3.841$, chứng tỏ phân loại thể lực chung loại giữa nam và nữ có sự khác biệt rõ rệt ($P < 0.05$); Phân loại thể lực chung đa phần SV không đạt về thể lực 52.5% ($P < 0.05$).

3. KẾT LUẬN

Kết quả học tập theo điểm môn học GDTC ở cả nam và nữ về cơ bản đều đạt yêu cầu nhưng chủ yếu thuộc loại Trung bình. Thể lực của nam tốt hơn nữ, thể lực không đạt ở từng chỉ tiêu còn nhiều, nhất là tố chất sức mạnh, sức bền và thể lực chung đa phần đều không đạt yêu cầu (52.5%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định Số 53/2008 QĐ/BGDĐT ngày

18/09/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.

2. Quyết định Số 3020/QĐ-DCT ngày 19/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

3. Nguyễn Duy Quyết, Lê Văn Lãm (2020), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong TDTT*, Nxb Thể thao & Du lịch, Hà Nội

4. Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định khối lượng kiến thức của chương trình GDTC thuộc chương trình đào tạo đại học.

5. Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải (2008), *Thống kê học trong Thể dục thể thao*, Nxb TDTT.

6. Đỗ Vĩnh, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thanh Đề (2016), *Giáo trình lý thuyết, phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM.

7. Đỗ Vĩnh, Trịnh Hữu Lộc (2010), *“Giáo trình Đo lường thể thao”*, Nxb TDTT - TPHCM.

Nguồn bài báo: Được trích dẫn từ luận án tiến sĩ *Giáo dục học tại Trường Đại học Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, tên luận án: “Cải tiến chương trình môn học GDTC nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh”*, NCS. Nguyễn Xuân Phúc.

Ngày nhận bài: 30/6/2024; Ngày duyệt đăng: 20/9/2024.



Ảnh minh họa (nguồn Internet)